TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96/2018/HS-ST.
Ngày: 14-11-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Phụng.

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Tuyết Em - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 84/2018/TLST-HS, ngày 09 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 90/2018/QĐXXST-HS, ngày 31 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hữu P (T), sinh năm 1980 tại Vĩnh Long.

Nơi cư trú: Số nhà 91, ấp T, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T (chết) và bà Đặng Thị Tuyết N; anh, chị, em ruột: Có 02 người; có vợ là Nguyễn Thị T và 01 người con là Nguyễn Huy P, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giữ từ ngày 15/6/2018 và chuyển tạm giam đến nay, bị cáo có mặt.

2. Huỳnh Minh T, sinh năm 1985 tại Vĩnh Long.

Nơi cư trú: Số nhà 46, đường Đinh T, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Long G và bà Phan Ngoc G; có vợ là Nguyễn Thùy A và 01 người con sinh năm 2013; tiền án,

tiền sự: Không có; nhân thân: Tốt; bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác, bị cáo có mặt.

- *Bị hại*:

1. Chị Trần Ngọc T, nơi cư trú: ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn X, nơi cư trú: Số nhà 11, đường H, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị Thu L, nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

2. Chị Võ Thị Thùy T, nơi cư trú: Số nhà 11, đường P, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Chị Trần Thị Tuyết N, nơi cư trú: ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

2. Chị Huỳnh Thị H, nơi cư trú: ấp B, xã A, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

3. Anh Huỳnh Tấn L, nơi cư trú: Số nhà 76, đường P, Khóm B, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu P, sinh năm 1980 là đối tượng không có nghề nghiệp, vào lúc 17 giờ 20 phút, ngày 13/6/2018 P điều khiển xe môtô biển kiểm soát số 64F4- 8611 đi vòng quanh các tuyến đường trên địa bàn thành phố Vĩnh Long, mục đích tìm tài sản của người khác sơ hở để lấy trộm. Khi đến khu vực vỉa hè trước khu vực Bảo Tàng Vĩnh Long, thuộc Phường M, thành phố V (gần bến phà An Bình) thì P dừng xe đậu lại ngồi quan sát, sau đó P thấy chị Trần Ngọc T đang đứng cách P khoảng 10 mét trên tay có cầm điện thoại di động, nên P nảy sinh ý định giật điện thoại của chị T, P liền điều khiển xe mô tô chạy trên vỉa hè hướng từ chợ Vĩnh Long về cầu Cái Cá để đến vị trí của chị T, khi chạy đến P cho xe áp sát vào chị T, P dùng tay trái giật cái điện thoại chị T đang cầm rồi tăng ga chạy xe tẩu thoát, P đem điện thoại vừa giật được đến tiệm cầm đồ H tại số 111, đường P, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long gặp chị Võ Thị Thùy T cầm với giá 300.000 đồng, đến chiều cùng ngày P gọi điện thoại cho vợ là Nguyễn Thị Thu L, kêu chị L đến tiệm H chuộc lại điện thoại dùm P, chị L đến chuộc lại và sau đó đem về nhà sử dụng cho

đến khi bị Công an thu giữ.

Sau khi bị giật tài sản chị T đến Công an Phường M, thành phố V trình báo sự việc. Qua xác minh đến ngày 14/6/2018 Cơ quan điều tra mời P làm việc, P thừa nhận hành vi cướp giật điện thoại như đã nêu trên và giao nộp vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra (điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu xanh).

Theo kết luận định giá tài sản số: 87/HĐĐG&TTHS, ngày 18/6/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận : Điện thoại di động hiệu Samsung J 7 màu xanh có giá trị là 4.194.000 đồng và sau đó đã trả lại tài sản cho bị hại xong.

Đối với Nguyễn Thị Thu L và Võ Thị Thùy T , do không biết tài sản do P phạm tội mà có, nên không xử lý đối với L và T.

Đối với xe môtô biển kiểm soát số 64F4- 8611, qua xác minh là của anh Lê Văn V bị mất trộm ngày 21/5/2018 trên đường X, Phường H, thành phố V, nên Cơ quan điều tra tách riêng để điều tra xử lý sau.

Qua điều tra P còn khai nhận , trước đó P cùng với Huỳnh Minh T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như sau:

Khoảng 17 giờ, ngày 31/5/2018 Nguyễn Hữu P điều khiển xe môtô biển kiểm soát số 64K9- 0368 chở Huỳnh Minh T chạy vòng quanh các tuyến đường trên địa bàn thành phố V để tìm nơi ăn uống . Khi chạy ngang qua của hàng điện máy Th u tại số 11, đường T, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long do anh Nguyễn Văn X làm chủ, P nhìn thấy trước cửa hàng có để nhiều thùng Loa trưng bày nhưng không có người trông coi, nên P nảy sinh ý định trộm cắp , P kêu T điều khiển xe quay lại để P vào lấy trộm thì T đồng ý, T điều khiển xe quay lại đậu cách cửa tiệm khoảng 05 mét cho P đi đến lấy trộm thùng Loa, T thì đậu xe chờ , khi lấy được 01 thùng Loa màu đen đem ra để lên xe ngồi sau ôm để T chở về nhà P cất giấu sử dụng. Khi phát hiện bị mất trộm anh X có trình báo với Công an Phường M, thành phố V, qua điều tra P đã thừa nhận hành vi phạm tội , khi biết được sự việc phạm tội của P chị Nguyễn Thị Thu L (vợ P) giao nộp thùng Loa cho Công an xử lý.

Theo kết luận định giá tài sản số : 90/HĐĐG&TTHS, ngày 25/6/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận : Thùng Loa hiệu TEMEISHENG màu đen có giá trị là 2.250.000 đồng và sau đó đã trả lại tài sản cho bị hại xong.

Quá trình điều tra T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội cùng với P như đã nêu trên.

Đối với biển kiểm soát xe số 64K9- 0368, qua xác minh là biển kiểm soát xe của anh Nguyễn Việt V bị mất trộm ngày 23/5/2018 trên đường P, Phường B, thành phố V, nên Cơ quan điều tra tách riêng để điều tra xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số: 87/CT-VKSNDTPV, ngày 08/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu P về tội "*Cướp giật tài*

sản" và tội *"Trộm cắp tài sản*" theo điểm d khoản 2 Điều 171 và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Huỳnh Minh T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Sau khi các bị cáo nghe Kiểm sát viên đọc xong Cáo trạng các bị cáo không có ý kiến gì và đồng ý với nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố đối với các bị cáo.

Các bị hại có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, trong đơn xin vắng mặt có ý kiến là không có yêu cầu gì đối với các bị cáo, vì đã nhận lại được tài sản, về trách nhiệm hình sự yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà L, bà T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trước đó đã có lời khai tại cơ quan điều tra.

Sau khi nghe lời trình bày của các bị cáo tại phiên tòa. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo Cáo trạng số: 87/CT-VKSNDTPV ngày 08/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu P về tội "*Cướp giật tài sản*" và tội *"Trộm cắp tài sản*" theo điểm d khoản 2 Điều 171 và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Huỳnh Minh T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Khi luận tội xong, Kiểm sát viên đề nghị phạt bị cáo Nguyễn Hữu P từ 03 năm đến 04 năm tù, về tội "*Cướp giật tài sản*" và 09 tháng đến 01 năm tù, về tội *"Trộm cắp tài sản*"; đề nghị phạt bị cáo Huỳnh Minh T từ 06 tháng đến 01 năm tù, về tội *"Trộm cắp tài sản*", về phần dân sự Kiểm sát viên đề nghị không xem xét vì các bị hại không có yêu cầu gì, về vật chứng (xe môtô) đề nghị không xem xét xử lý trong vụ án này, vì đã tách ra để điều tra trong vụ án khác và đề nghị miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tham gia tranh luận.

Kết thúc phần tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng: Hai bị cáo có cùng chung ý kiến là *"Bị cáo đã nhận thức được hành vi của bị cáo là sai trái, bị cáo rất ăn năn, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo"*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng: Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Theo quy định tại khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự :*"2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm":*

"*d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm".* Bị cáo P có hành vi dùng xe môtô để cướp giật là dùng thủ đoạn nguy hiểm có thể gây ra hậu quả khác cho bị hại , hành vi của bị cáo P đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Cướp giật tài sản"* và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự cũng có quy định: *" Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây , thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*", hành vi của bị cáo P cùng với bị cáo T đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại , bị cáo đã lén lúc lấy trộm tài sản của bị hại, được xác định tai sản có giá trị là 2.250.000 đồng, hành vi của hai bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội " *Trộm cắp tài sản* ". Các bị cáo thực hiện hành vi với vai trò đồng phạm theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo, lời nhận tội của các bị cáo đã phù hợp với các chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan và người làm chứng . Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố Nguyễn Hữu P về tội " *Cướp giật tài sản* " và tội *"Trộm cắp tài sản* " theo điểm d khoản 2 Điều 171 và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Huỳnh Minh T về tội "*Trộm cắp tài sản*" khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo cố ý xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ , bị cáo P dùng thủ đoạn nguy hiểm, ngay tức khắc giật lấy tài sản của người khác, tài sản (điện thoại di động) mà bị cáo xâm hại có giá trị được xác định là 4.194.000 đồng và tài sản (thùng Loa) mà các bị cáo (P, T) lấy trộm có giá trị là 2.250.000 đồng. Ý thức của các bị cáo biết rõ hành vi nêu trên là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo cố tình thực hiện làm cho hậu quả xãy ra, các bị cáo có đủ năng lực về nhận thức cũng như điều khiển hành vi, nên các bị cáo phải chịu hình phạt do hành vi của các bị cáo đã gây ra. Xét thấy, hành vi của các bị cáo cần phải xử phạt nghiêm , nhằm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội và góp phần ổn định tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương , cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật Hình sự, để cho các bị cáo có thời gian học tập, cải tạo và trở thành người công dân có ích cho xã hội sau này . Đối với các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội " *Trộm cắp tài sản*" với vai trò đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự, nên áp dụng Điều 58 của Bộ luật Hình sự để xem xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án, từ đó có mức hình phạt cho hợp lý. Vai trò thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của hai bị cáo là ngang nhau , bị cáo P thực hiện, bị cáo T giúp sức (lái xe) tẩu thoát, đây là thuộc đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, tuy nhiên bị cáo P là

người khởi xướng trước, đã rủ rê bị cáo T thực hiện, tài sản lấy được thì bị cáo P sử dụng, nên cần xem xét mức hình phạt đối với bị cáo P phải nghiêm khắc hơn bị cáo T trong tội *"trộm cắp tài sản"* mới là phù hợp.

[4] Xét về nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo không có tiền án, không có tiền sự, có nhân thân tốt, khi phạm tội tro ng quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả cho các bị hại xong, nên phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình (ông Ngoại) bị cáo P có tham gia Cách mạng được tặng thưởng Huân Chương, nên có căn cứ cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo P phạm nhiều tội, nên áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của nhiều tội cho bị cáo P là đúng quy định.

[5] Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt cho bị cáo P từ 03 năm đến 04 năm tù về tội *"Cướp giật tài sản"* và 09 tháng đến 01 năm tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*; đề nghị phạt bị cáo T từ 06 tháng đến 01 năm tù tội *"Trộm cắp tài sản"* theo tội danh, điều luật mà Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và sẽ xem xét, quyết định áp dụng hình phạt cụ thể cho các bị cáo trong phần hình phạt. Đồng thời việc đề nghị của Kiểm sát viên về phần dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng"* và khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*, do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa cho thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản nào khác. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự, tài sản đã được thu hồi trả lại cho các bị hại, tại phiên tòa các bị hại không còn yêu cầu gì về tài sản, nên không giải quyết.

[8] Về vật chứng trong vụ án, cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác định xe môtô và 01 bình Ắc quy có liên quan trong vụ án khác, nên tách ra để điều tra, vì vậy không xử lý trong vụ án này.

[9] Các bị cáo còn phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu P phạm tội *"Cướp giật tài sản" và "Trộm cắp tài sản".*

2. Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Minh T phạm tội *"Trộm cắp tài sản".*

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; khoản 1 Điều 173; Điều 38; khoản 1 Điều 17; Điều 58; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hữu P; xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu P 03 (*ba*) năm tù về tội *"Cướp giật tài sản"* và 09 (*chín*) tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo P phải chấp hành hình phạt chung là 03 (*ba*) năm 09 (*chín*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 15/6/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; khoản 1 Điều 17; Điều 58; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Huỳnh Minh T - 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. *Trách nhiệm dân sự:*

Tài sản đã được thu hồi trả lại cho các bị hại xong.

4. Về trách nhiệm nộp án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các bị hại và các người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- CC THA DS TP V;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Thanh Hồng